

## PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI CHÍN

Sở dĩ có phẩm này là vì:

1) Xa là từ phẩm Pháp Sư mà có, Phẩm Pháp Sư nói lược hai đời đệ tử hai đời Pháp sư, phẩm Tùy Hỷ đã nói rộng công đức hai đời đệ tử, nay kể nói công đức hai đời Pháp sư.

2) Gần từ cuối phẩm Phân Biệt Công Đức nói về ba phẩm người:

a) Hạ phẩm gọi là tùy hỷ người; Phẩm tùy hỷ đã nói rộng công đức kia.

b) Nay kể nói rộng hai phẩm người còn lại cho nên có phẩm này.

c) Trên phẩm Tùy hỷ lẫn lộn nói về hai thứ công đức thế gian xuất thế gian, như nương cung trời và tòa chuyển luân gọi là công đức thế gian, tùy hỷ chuyển giáo sau được thành Phật là công đức xuất thế gian, phẩm này chỉ nêu công đức xuất thế gian, do sáu căn thanh tịnh ở ba cõi không có nên gọi là xuất thế gian. Căn cứ địa vị nói về: Trước là địa vị đệ tử Thập tín, nay là địa vị các sư ba Hiền. Căn cứ người: Phẩm trước nói về năm người, phẩm này cũng nói về năm người.

Phẩm đây nói về Sư mở rộng pháp được công đức sáu căn thanh tịnh để khuyến khích người trì kinh, phẩm chia làm hai:

1) Nói chung năm hạng Pháp Sư đắc sáu ngàn công đức.

2) Biệt giải thích đối thường tinh tấn.

a) Tùy duyên thích nghi.

b) Người này trì kinh rồi đắc quả báo sáu căn thanh tịnh cho nên lại đối.

b) Muốn được tịnh căn ắt phải tinh tấn, nhân danh nói nghĩa cho nên đối. “Sáu ngàn công đức”: Bồ-tát hành thiện không ra ngoài ba nghiệp v.v...: Thân ba miệng bốn ý ba hiệp thành mười thiện: một thiện là đầu chín thiện còn lại trang nghiêm, mười thiện ấy xen lẫn trang nghiêm thành một trăm thiện. Tự hành một trăm thiện dạy người khác hành một trăm thiện, người khen ngợi một trăm thiện, pháp khen ngợi một trăm thiện, hiệp làm bốn trăm thiện. Căn cứ năm hạng Pháp Sư mỗi hạng đều đủ bốn trăm thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện này lại có phẩm thượng trung hạ cho nên thành sáu ngàn. Có người nói Bồ-tát hành Thập thiện, một thiện cũng dùng chín thiện trang nghiêm cho nên thành mười thiện, mười thiện liền thành một trăm thiện, tự hành một trăm thiện dạy người hành một trăm thiện, khen ngợi pháp làm một trăm thiện khen ngợi người làm một trăm hiệp thành bốn trăm, bốn trăm đây có thượng trung hạ phẩm thành một ngàn hai trăm, hàng ba căn trì kinh

dụng thẳng đầy đủ đắc ba phẩm nên có một ngàn hai trăm, còn ba căn trì kinh dụng kém chỉ đắc trung hạ hai phẩm nên có tám trăm. Có người chép: Căn cứ một trăm phước mà luận, kinh này có một trăm phước tướng trang nghiêm, phẩm Dược vương trang dụ, thì biết sáu căn đều đầy đủ một trăm phước, mỗi một phước đều có một trăm thiện trang nghiêm thành một ngàn công đức, một căn một ngàn thì thành sáu ngàn. Nhưng ba căn đối với việc mở rộng kinh công đức cao quý thì nhiều, ba thứ còn lại đã kém nên ít. Nói về năm thứ pháp Sư làm nhân cho nên được sáu ngàn công đức. Kinh Phổ Hiền Quán nói về sám hối tội của sáu căn nên được sáu căn thanh tịnh, nhưng sám hối có hai pháp: Đầu tiên đối mười phương sanh thân Phật căn cứ trong sự sám hối tội sáu căn cho nên nói từ vô thủy đến nay sáu căn tạo tác ba chướng nay đều sám hối. Kế đối với pháp thân Phật y thật tướng sám hối quán sáu căn là nhân duyên sanh xưa nay vắng lặng; đầy đủ hai thứ sám hối này nên sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Thực hành hai thứ sám hối này sáu căn mới thanh tịnh vì sao kinh này nói năm hạng Pháp Sư đắc sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Quán thật tướng của thân sám hối tức là trì kinh này cho nên không trái nhau.

“Các người thiện nam tử v.v...” là khai riêng sáu căn thanh tịnh mỗi căn đều có văn xuôi và kệ tụng. Mắt do cha mẹ sanh ra. Luận Pháp Hoa chép: người phạm phu nhờ năng lực kinh nên được dụng căn cao quý chưa nhập Sơ địa, nếu nhập Sơ địa thì bỏ xả thân phần đoạn trong ba cõi thì không dùng mắt của cha mẹ sanh. Ngài Long Thọ phân rõ hai nhãn cũng vậy. Nhu thuận nhãn gọi là nhục thân, vô sanh nhãn tức là pháp thân, cũng gọi là pháp tánh sanh thân. Kinh này nói nhục nhãn là nhu thuận nhãn.

Hỏi: Mắt chỉ nên thấy sắc vì sao lại nói thấy nghiệp nhân duyên quả báo?

Người Tiểu thừa nói nhục nhãn chỉ thấy sắc pháp, thiên nhãn thông: do thiên nhãn làm phương tiện cho nên phát thiên nhãn trí năng biết các việc sanh tử đời vị lai.

Luận Pháp Hoa chép: Sáu căn thanh tịnh, trong mỗi căn đầy đủ sáu dụng vì vậy gọi là nhãn căn cũng biết nghiệp hành và quả báo.

Hỏi: sáu căn vì sao được dùng lẫn nhau?

Đáp: Ngộ sáu căn tức là thật tướng, thật tướng tức là pháp thân cho nên sáu căn vô ngại, do đó nên được dùng lẫn nhau.

Hỏi: Căn đầy đủ công đức nhiều ít khác nhau vì sao đồng thấy

Tam thiên ư?

Đáp: Như đèn tụy lớn nhỏ đồng chiếu một nhà.

Hỏi: Vì sao chỉ thấy ba ma trời không thấy nhiều ư?

Đáp: luận Trí Độ chép: Ngoài cõi Tam thiên có phong luân trái với nhân cho nên không thể thấy.

Hỏi: Đã có thể thấy Tam thiên vì sao không gọi là thiên nhãn ư?

Đáp: Vì chẳng tu thiên đặc tịnh sắc nhập vào mắt, lại chẳng sanh báo ở cõi trời kia cho nên không gọi là thiên nhãn.

Hỏi: thiên nhãn của Nhị thừa thấy Tam thiên có gì sai khác với nay?

Đáp: Nhị thừa chỉ thấy cõi nước Tam thiên, nay y thật tướng sám hối và sức trì kinh đặc nhãn căn thấy Chư Phật và Bồ-tát từ đất vọt lên và tháp báu cho nên khác với Nhị thừa.

Hỏi: Phổ Hiền Quán chép: Sám hối tội sáu căn nay nói trì kinh có gì khác nhau không?

Đáp: Nhất thừa tức thật tướng nên trì kinh tức là sám hối, sám hối tức trì kinh.

Núi Di Lô: Trung hoa gọi là Cao Sơn, lại nói Quang Sơn. Tu-di Sơn: Hán dịch là An minh Sơn cũng gọi là Hảo cao sơn.

Kế giải thích nhĩ căn, văn xuôi chia là ba:

1) Nói chung năm hạng pháp Sư làm nhân.

2) Được một ngàn hai trăm công đức nhĩ căn: là nói quả.

3) Dùng tai thanh tịnh đó: Biệt khen ngợi dụng của nhĩ căn.

Đó là nói về công đức, có ba, câu: câu đầu nói chung Thanh văn. “Tiếng voi v.v...” Là nói riêng tiếng nghe. “Tóm lại...” Là tổng kết tiếng nghe. “Nói mà không hư nhĩ căn:” Muốn nghe thì tùy ý nghe được tự tại cho nên không hoại. Lại người trì kinh ngộ pháp vắng lặng tuy nghe mà không hề nghe cho nên nói là lại hoại.

Hỏi: Nhĩ làm sao hơn nhãn được một ngàn hai trăm công đức?

Đáp: Người không có mắt thì không chướng ngại tự hành hóa tha, đối với người điếc thiếu hai nghĩa này cho nên nhĩ hơn nhãn.

Kế giải thích tý căn. Văn xuôi cũng hai: Đầu nêu năm hạng pháp Sư làm nhân, kế nói quả công đức. Trong quả cũng có ba: chung, riêng, kết. Trong riêng có hai: Trước nói người được hương trong ba cõi. Kế “mùi hương Thanh văn” là người nghe mùi hương của người ngoài ba cõi. Trong cõi Dục có hai: Người mùi hương trong loài người, kế mùi cõi trời. Trong loài người có ba: Người mùi phi chúng sanh, kế mùi chúng sanh. “Và cỏ cây v.v...:” Hiệp người hai mùi hương. Trong các tầng trời

cõi Dục cũng có hai mùi hương của chúng sanh và phi chúng sanh, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có hai mùi hương, tìm vẫn dễ biết. Trên nghe tiếng loạn nay không loạn tức xen lẫn hiển. Nói xa nghe mùi, hỏi: Tiểu thừa có ba chếp:

1) Luận Bà-sa chếp: trong ba căn hiệp biết, đó là tị thiệt thân, trong ba căn lià biết đó là nhãn nhĩ ý. Tạp Tâm chếp: Trong hai căn lý biết, ý không nên lià hợp.

Luận Thành chếp: Nhãn chỉ ly mà không hợp, tị thiệt thân hợp mà không lià, nhĩ căn vừa hiệp vừa lià, nghe tiếng bên ngoài là lià nghe tiếng gọi bên tai là hợp, ý căn chẳng lià chẳng hợp nay vì sao nói tị xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Xưa giải thích: trách nhiệm căn thường dùng thì như ba giải thích trên nay nương theo lực kinh nên tử có thể ngửi mùi từ xa. Luận Pháp Hoa chếp: một căn đủ sáu dụng mà nói mũi xa nghe mùi hương, đây thì biết cảnh thắng dụng, tị căn biết nên đây ý nói tị căn đã đầy đủ sáu dụng, sao lại không ngửi được mùi xa ư! Bởi Bồ-tát không sáu mà sáu quyền trí khéo dụng, nếu sáu mà không sáu tức không hề dụng, không sáu mà sáu gọi là thật phương tiện, sáu mà không sáu là phương tiện thật, người trì kinh đã ngộ kinh này đầy đủ hai tuệ nên có thể như. Phổ Hiền Quán ý cũng vậy. Biết sáu tức thật tướng nên biết sáu thường không sáu, ngộ thật tướng tức sáu căn nên không sáu mà thường sáu, nên sáu không sáu đều vô ngại, đây là ngộ hữu vô vô ngại. Lại căn cứ trong hữu, sáu căn tự vô ngại có thể một căn làm sáu dụng, sáu căn làm một dụng. Hoa Nghiêm chếp: Nhãn nhập Tam-muội nhĩ xuất chánh thọ quán nhãn vô sanh, vô tự tánh, nói không vắng lặng vô sở hữu tức chứng minh kia.

Hỏi: Tỳ-đàm chếp: Cõi trên không có hương vị nay vì sao nói ngửi hương ở cõi Phạm ư?

Đáp: Phạm Thế có hương thơm nhờ nhiệm người Tiểu thừa năng lực yếu không thể biết nên nói không có hương. Đại Sĩ lợi căn không bờ bến nên nói ngửi mùi hương cõi Phạm.

Hỏi: Luận Thành chếp: vàng bạc không có hương, Kim cương không có vị vì sao kệ nói tạng báu giấu trong đất nghe mùi biết chỗ nào ư?

Đáp: có người chếp: Luận nói không là không có hương thô nay nói nhỏ nhiệm. Có người chếp: Đây là chấp thể vật cho nên có hương, chất vàng bạc thì không có mùi hương, như gió không có màu sắc. Phẩm Quán Âm chếp: Nếu phong tùy theo chỗ thổi cho nên được tên này, nay

cũng.

Nay nói đồng trên phá nghĩa của Tỳ-đàm, Tiểu thừa độn căn không biết hương trời kia, đại sĩ thì biết. Hoa Tu mạn na Hán dịch Hảo ý hoa. Xa Đề hoa hương Hán dịch Sanh cũng dịch là thật. Ba la la hoa Hán dịch là Trọng. Ba-lợi-chất-đa-la: Ba-lợi Hán dịch là Hộ, Chất-đa-la dịch là các thứ. Câu bệ đà la: Hán dịch là Đại du hý, địa địa phá. Chiêm bạc hoa hương (mùi bông chiêm bạc): Hán dịch là Hoàng hoa thọ, cũng dịch là Kim sắc hoa.

Trong công đức thiệt căn đắc hai thứ quả: Đắc quả thượng vị nghĩa là các vật thô nhám đến thiệt căn thì đều biến thành thượng vị. Đây có hai nghĩa:

1) Như cồi trời thức ăn dở biến thành thượng vị, như ngọc quý thức ăn ngon trái lại thành đồ bất tịnh.

2) Trong cổ họng Phật có suối cam lộ hòa tất cả thức ăn đều thành cam lộ, nay người trì kinh tùy phần cũng có.

Hỏi: Thiệt có thể biết vị dở, vị chưa đến lưỡi thì đều biến thành thượng vị, tại có thể nghe các tiếng xấu vì sao không biến thành tiếng tốt?

Đáp: Điều xen lẫn thông suốt. Tai đã nghe tất cả tiếng hay dở, tốt xấu, lưỡi cũng chọn lọc thông thạo riêng biệt tất cả vị chỉ xen lẫn khen ngợi! Lại nữa, người khác không thể xa nghe tiếng nay khen ngợi sức trì kinh có thể nghe xa các người không đắc thượng vị, khen ngợi người trì kinh sức có thể đắc thượng vị. Lại tiếng không lợi ích cho thân nên không cần biến, vị chánh giúp cho thể chất nên cần phải biến. Trong thức ăn đầy đủ các vị trần, trần đã biến thì thức ăn cứng nếu đựng vào thì cũng thành mềm, cho đến màu đỏ biến thành cơm trắng, nêu một lệ theo nhiều cũng. Lại vị chính lợi thân nên nói về biến, các thứ khác không chính lợi ích nên không nói về biến. “Người đó ở chỗ nào các Đức Phật đều hướng về phía đó nói pháp”: Người này đã trái hoặc hướng đến lý cho nên thường thấy được mặt Phật như chuyển hướng, còn nếu trái lý hướng về hoặc thì không thể thấy Phật, như trái với Phật, đây là giải thích trong thân căn đắc quả thân thanh tịnh: Như trên, vị căn đã xa ngửi mùi, thân căn cũng xa biết xúc chạm, nhưng nay không chọn nghĩa này, chỉ nói về tâm các người bất tịnh nên thân căn bất tịnh, người trì kinh tâm tịnh nên thân tịnh, như A-nan khuôn mặt như gương sáng, sắc tượng già trẻ đều hiện trong đó.

Kệ nói chỉ tự hiểu rõ, là người trì kinh riêng tự hiểu các người khác không trì kinh nên không thấy chỗ Bồ-tát thấy là giải thích trong ý

---

căn nói nghiêng về sau khi Như lai diệt độ nêu một loại. Nói về ý thanh tịnh đủ đặc bốn biện tài, nghe một câu một kệ gọi là Pháp biện, thông đạt Vô Lượng Nghĩa gọi là Nghĩa biện, năng giảng nói một câu một kệ gọi là Từ biện, mà nói “một tháng bốn tháng. Một năm”: một tháng là đầu trong mười hai tháng, bốn tháng là một trong bốn thời, một năm là thời cuối cùng, nói lược ba thời đầu, giữa, sau, “Tam Thiên đại thiên thế giới v.v...” là biết căn cơ, tức là Nhạo nói biện tài.

-----